

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 33/2020/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 18 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù;
danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định
vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản
cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho
doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4142/TTr-STC
ngày 06 tháng 11 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội; tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum (Chi tiết tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này).

Tiêu chuẩn nhận biết Tài sản cố định đặc thù và Tài sản cố định vô hình theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các tài sản không quy định tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 của Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Việc quản lý, tính hao mòn tài sản cố định ban hành tại Quyết định này áp dụng đối với tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội; tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum.

2. Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội áp dụng các quy định tại Quyết định này để quản lý, tính hao mòn tài sản cố định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2020.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	DANH MỤC
Loại 1	Di tích lịch sử được xếp hạng
1	Di tích lịch sử cấp quốc gia
2	Di tích lịch sử cấp tỉnh
Loại 2	Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng
1	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng kim loại
2	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng nhựa
3	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng thủy tinh
4	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng gỗ
5	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu vải
6	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu giấy
7	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu phim ảnh
8	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu da
9	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu xương, ngà
10	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu gốm, sành, sứ
11	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu đất đá
12	Nhóm cổ vật, hiện vật chất mây tre
13	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu chất khác
Loại 3	Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập
1	Bệnh viện
2	Trường học
3	Thương hiệu đơn vị sự nghiệp khác
Loại 4	Tài sản cố định đặc thù khác

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ HAO MÒN
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
Loại 1	Quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học	25	4
2	Chương trình máy tính	5	20
3	Sưu tập dữ liệu	25	4
4	Quyền tác giả khác	25	4
Loại 2	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Bằng sáng chế	25	4
2	Giải pháp hữu ích	10	10
3	Kiểu dáng công nghiệp	5	20
4	Nhãn hiệu hàng hóa	10	10
5	Thiết kế bố trí	10	10
6	Quyền sở hữu công nghiệp khác	10	10
Loại 3	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Bằng bảo hộ giống cây thân gỗ và cây nho	25	4
2	Bằng bảo hộ các giống cây trồng khác	20	5
Loại 4	Phần mềm ứng dụng		
1	Cơ sở dữ liệu	5	20
2	Phần mềm kế toán	5	20
3	Phần mềm tin học văn phòng	5	20
4	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
Loại 5	Tài sản cố định vô hình khác	5	20

* Ghi chú:

- Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học bao gồm: Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác; Tác phẩm báo chí; Tác phẩm âm nhạc; Tác phẩm sân khấu; Tác phẩm điện ảnh và tác

phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự (sau đây gọi chung là tác phẩm điện ảnh); Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng; Tác phẩm nhiếp ảnh; Tác phẩm kiến trúc; Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học; Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian (*Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005*).

- *Sưu tập dữ liệu* là tập hợp có tính sáng tạo thể hiện ở sự tuyển chọn, sắp xếp các tư liệu dưới dạng điện tử hoặc dạng khác (*Điều 22 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005*)

- *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên (*Điều 04 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005*).

- *Giải pháp hữu ích* là giải pháp kỹ thuật mới so với trình độ kỹ thuật trên thế giới, có khả năng áp dụng trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

- *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này (*Điều 04 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005*).

- *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau (*Điều 04 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005*).

- *Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn* là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn (*Điều 04 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005*).

- *Quyền đối với giống cây trồng* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu (*Điều 04 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005*).